

2931	27.0469.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	Lần	4,645,000
2932	27.0470.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	Lần	4,645,000
2933	27.0473.1209	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	Lần	4,394,000
2934	27.0481.0541	Phẫu thuật nội soi gỡ dính khớp gối	Lần	3,653,000
2935	27.205b.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng+ nạo vét hạch	Lần	3,832,000
2936	27.208b.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	Lần	2,866,000
2937	28.0003.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	Lần	3,771,000
2938	28.0004.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật lân cận	Lần	3,771,000
2939	28.0009.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2 cm	Lần	821,000
2940	28.0010.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Lần	821,000
2941	28.0011.0583	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2 cm	Lần	2,447,000
2942	28.0012.0582	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Lần	3,484,000
2943	28.0016.1136	Tạo hình khuyết da đầu bằng vật da tại chỗ	Lần	5,414,000
2944	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	Lần	1,094,000
2945	28.0035.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	864,000
2946	28.0095.0836	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2 cm)	Lần	863,000
2947	28.0096.0834	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2 cm)	Lần	1,373,000
2948	28.0108.0573	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Lần	3,771,000
2949	28.0108.0575	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Lần	3,095,000
2950	28.0110.0584	Khâu vết thương vùng môi	Lần	1,560,000
2951	28.0111.0575	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	Lần	3,095,000
2952	28.0116.0573	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	Lần	3,771,000
2953	28.0118.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật tại chỗ	Lần	3,771,000
2954	28.0119.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận	Lần	3,771,000
2955	28.0133.0587	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	Lần	490,000
2956	28.0138.0583	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	Lần	2,447,000

2957	28.0144.0578	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da tự do	Lần	5,714,000
2958	28.0155.1136	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	Lần	5,414,000
2959	28.0158.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây mê]	Lần	1,436,000
2960	28.0159.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	Lần	821,000
2961	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Lần	2,818,000
2962	28.0176.1076	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	3,544,000
2963	28.0200.0573	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	Lần	3,771,000
2964	28.0315.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	Lần	5,500,000
2965	28.0316.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	Lần	5,500,000
2966	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Lần	3,353,000
2967	28.0342.0559	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật [tính 1 gân]	Lần	3,353,000
2968	03.4106.0436	Nội soi đặt sonde JJ	Lần	2,033,000
2969	03.4107.0152	Nội soi tháo sonde JJ	Lần	1,018,000
2970	16.0061.1011	Điều trị tùy lại	Lần	1,101,000
2971	16.0232.1016	Điều trị tùy răng sữa [một chân]	Lần	320,000
2972	14.0177.0765	Khâu củng mạc	Lần	940,000
2973	03.1663.0769	Khâu da mi [gây tê]	Lần	940,000
2974	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Lần	948,000
2975	14.0176.0770	Khâu giác mạc [đơn thuần]	Lần	883,000
2976	14.0201.0769	Khâu kết mạc [gây tê]	Lần	940,000
2977	03.3594.0218	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	Lần	350,000
2978	10.0623.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	Lần	5,226,000
2979	11.0019.1102	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bong sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,000,000
2980	12.0071.1038	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Lần	1,003,000
2981	12.0006.1044	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	Lần	821,000
2982	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	229,000
2983	15.0081.0918	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	Lần	756,000
2984	03.2613.0875	Cắt polyp ống tai [gây tê]	Lần	685,000
2985	03.2456.1044	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Lần	821,000
2986	12.0320.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Lần	2,191,000
2987	12.0319.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Lần	2,191,000
2988	12.0091.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây tê]	Lần	965,000
2989	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	3,417,000
2990	16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Lần	651,000

2991	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Lần	269,000
2992	16.0197.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	420,000
2993	03.2240.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Lần	1,000,000
2994	12.0322.1191	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Lần	1,507,000
2995	10.0410.0584	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Lần	1,560,000
2996	10.0411.0584	Cắt hẹp bao quy đầu	Lần	1,560,000
2997	10.0408.0584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Lần	1,560,000
2998	10.0412.0584	Mở rộng lỗ sáo	Lần	1,560,000
2999	03.2179.0870	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây mê]	Lần	1,268,000
3000	10.0313.0104	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Lần	1,059,000
3001	12.0007.1045	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	1,305,000
3002	12.0004.0834	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	Lần	1,430,000
3003	12.0011.1190	Cắt các u lành tuyến giáp	Lần	2,191,000
3004	12.0263.1190	Cắt nang thừng tinh một bên	Lần	2,191,000
3005	12.0321.1190	Cắt u bao gân	Lần	2,191,000
3006	03.1663.0768	Khâu da mi [gây mê]	Lần	1,646,000
3007	10.0699.0583	Khâu vết thương thành bụng	Lần	2,447,000
3008	12.0092.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây mê]	Lần	1,541,000
3009	12.0091.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây mê]	Lần	1,541,000
3010	03.3901.0563	Rút đinh các loại	Lần	2,006,000
3011	10.0934.0563	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Lần	2,006,000
3012	16.0198.1026	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Lần	400,000
3013	12.0278.0655	Cắt polyp cổ tử cung	Lần	2,245,000
3014	13.0147.0597	Cắt u thành âm đạo	Lần	2,500,000
3015	03.2613.0874	Cắt polyp ống tai [gây mê]	Lần	2,200,000
3016	12.0264.1189	Cắt nang thừng tinh hai bên	Lần	3,350,000
3017	10.0552.0495	Phẫu thuật Longo	Lần	2,620,000
3018	13.0007.0671	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	2,712,000
3019	10.0386.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,689,000
3020	10.0406.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	2,689,000
3021	03.2451.1049	Cắt u phần mềm vùng cổ	Lần	3,054,000
3022	12.0092.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây tê]	Lần	1,500,000
3023	10.0506.0459	Cắt ruột thừa đơn thuần	Lần	3,000,000
3024	10.0507.0459	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Lần	3,000,000
3025	10.0510.0459	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Lần	2,974,000
3026	10.0547.0494	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Lần	2,975,000
3027	13.0002.0672	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	3,433,000
3028	10.0953.0571	Phẫu thuật sửa mồm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Lần	3,358,000
3029	28.0337.0559	Nối gân gấp	Lần	3,445,000

3030	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Lần	3,353,000
3031	11.0031.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,269,000
3032	11.0034.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,269,000
3033	12.0072.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Lần	3,400,000
3034	15.0155.0958	Phẫu thuật nạo VA nội soi	Lần	3,263,000
3035	15.0134.0912	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]	Lần	3,090,000
3036	12.0280.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	3,417,000
3037	12.0281.0683	Cắt u nang buồng trứng	Lần	3,417,000
3038	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	3,417,000
3039	03.3590.0492	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Lần	3,777,000
3040	03.3599.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Lần	3,777,000
3041	03.3589.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Lần	3,777,000
3042	27.0298.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Lần	5,104,000
3043	13.0070.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	4,506,000
3044	10.0723.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	Lần	4,352,000
3045	10.0771.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	Lần	4,352,000
3046	10.0777.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mâm chày	Lần	4,352,000
3047	10.0762.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển xương đùi	Lần	4,352,000
3048	10.0786.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Lần	4,352,000
3049	10.0779.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Lần	4,352,000
3050	10.0733.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay [nẹp vít]	Lần	4,352,000
3051	10.0775.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	Lần	4,352,000
3052	10.0776.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	Lần	4,352,000
3053	10.0778.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Lần	4,352,000
3054	10.0746.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Lần	4,352,000
3055	10.0764.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	Lần	4,352,000
3056	10.0765.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	4,352,000
3057	10.0816.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Lần	4,352,000
3058	10.0821.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	Lần	4,352,000

3059	10.0741.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Lần	4,352,000
3060	10.0780.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Lần	4,352,000
3061	10.0792.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Lần	4,352,000
3062	10.0725.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Lần	4,352,000
3063	10.0739.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	Lần	4,352,000
3064	10.0732.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	Lần	4,352,000
3065	10.0781.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	Lần	4,352,000
3066	10.0787.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	Lần	4,352,000
3067	10.0788.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	Lần	4,352,000
3068	10.0789.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót	Lần	4,352,000
3069	10.0782.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Lần	4,352,000
3070	10.0820.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Lần	4,352,000
3071	10.0719.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Lần	4,352,000
3072	10.0737.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay	Lần	4,352,000
3073	10.0760.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp chỏm xương đùi - trật háng	Lần	4,352,000
3074	10.0325.0421	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lần	4,765,000
3075	10.0355.0421	Lấy sỏi bàng quang	Lần	4,765,000
3076	10.0943.0534	Phẫu thuật tháo khớp chi	Lần	4,332,000
3077	15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	Lần	4,000,000
3078	10.0772.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Lần	4,622,000
3079	10.0797.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,622,000
3080	10.0796.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,622,000
3081	10.0791.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	Lần	4,622,000
3082	10.0962.0574	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm ²	Lần	4,914,000
3083	12.0195.0441	Cắt u lành thực quản	Lần	6,323,000
3084	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	6,852,000
3085	13.0064.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Lần	6,852,000
3086	27.0421.0687	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Lần	7,085,000
3087	27.0187.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	3,000,000
3088	07.0008.0360	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	3,879,000

3089	16.0269.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,069,000
3090	07.0007.0362	Cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	3,210,000
3091	10.0621.0472	Cắt túi mật	Lần	5,254,000
3092	13.0092.0683	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	Lần	3,417,000
3093	13.0091.0665	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	Lần	4,332,000
3094	27.0414.1196	Phẫu thuật nội soi cắt khối chữa ngoài tử cung	Lần	3,000,000
3095	10.0557.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	lần	2,975,000
3096	13.0071.0679	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	3,890,000
3097	10.0983.0551	Phẫu thuật vết thương khớp	lần	3,500,000
3098	16.0278.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,415,000
3099	13.0080.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	lần	5,881,000
3100	27.0083.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	lần	3,773,000
3101	07.0011.0357	Cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	lần	4,835,000
3102	15.0035.0971	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	lần	3,517,000
3103	10.0152.0410	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Lần	2,039,000
3104	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	Lần	3,008,000
3105	15.0046.0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	Lần	650,000
3106		Cố định răng hai hàm	Lần	2,000,000
3107		Cố định răng một hàm	Lần	1,000,000
3108	10.0862.0571	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón	Lần	3,358,000
3109	10.0687.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Lần	4,000,000
3110	10.0518.0454	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	Lần	5,193,000
3111	27.0142.0451	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Lần	4,037,000
3112	13.0150.0724	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	Lần	1,800,000
3113	13.0073.0702	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	7,640,000
3114	10.0463.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	Lần	4,162,000
3115	12.0070.1039	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Lần	550,000
3116		Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng cắt polip tiền mê	Lần	1,800,000
3117		Nội soi đại tràng cắt polip tiền mê	Lần	1,850,000

3118	10.0480.0465	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	Lần	4,162,000
3119	10.0640.0486	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	Lần	5,200,000
3120	10.0608.0471	Cầm máu nhu mô gan	Lần	6,129,000
3121	13.0068.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	4,506,000
3122	13.0081.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Lần	5,881,000
3123	16.0275.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,800,000
3124	16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	Lần	1,500,000
3125	16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	Lần	1,000,000
3126	16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Lần	1,000,000
3127	16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Lần	1,000,000
3128	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	6,852,000
3129	03.3601.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,689,000
3130	10.0673.0484	Cắt lách do chấn thương	Lần	5,195,000
3131	12.0086.1060	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	3,645,000
3132	03.1076.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	1,479,000
3133	27.0223.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mồm cắt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	Lần	4,924,000
3134	27.0347.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	Lần	4,843,000
3135	15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	Lần	3,424,000
3136	27.0349.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	Lần	4,843,000
3137	27.0350.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	Lần	4,843,000
3138	10.0487.0458	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	Lần	600,000
3139	14.0187.0789	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê]	Lần	740,000
3140	14.0187.0791	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	Lần	981,000
3141	14.0187.0792	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	Lần	1,241,000
3142	14.0187.0795	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	Lần	1,438,000
3143	12.0089.0945	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	Lần	4,994,000
3144		Dịch Vụ Kỹ Thuật Khác	Lần	1,500,000
3145	16.0247.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	Lần	3,530,000
3146	16.0248.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,530,000

3147	16.0250.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	Lần	3,530,000
3148	16.0251.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,530,000
3149	16.0253.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	Lần	3,530,000
3150	16.0254.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,530,000
3151	16.0268.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Lần	3,069,000
3152	16.0271.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Lần	2,800,000
3153	16.0272.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,800,000
3154	16.0277.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	3,415,000
3155	27.0398.0423	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	Lần	3,527,000
3156		Dịch vụ kỹ thuật khác	Lần	25,000,000
3157	10.0954.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Lần	3,008,000
3158	15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Lần	3,424,000
3159	10.0350.0434	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Lần	4,825,000
3160	27.0365.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần	4,683,000
3161	10.0567.0584	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Lần	1,700,000
3162	15.0124.0951	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt	Lần	6,175,000
3163	10.0955.0577	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Lần	5,373,000
3164	03.3754.0556	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	Lần	4,352,000
3165	14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép	Lần	850,000
3166	10.0002.0386	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	Lần	6,256,000
3167		Dịch vụ kỹ thuật khác	Lần	5,000,000
3168	03.3313.0455	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	Lần	2,897,000
3169	10.0407.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,689,000
3170	03.3370.0494	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Lần	2,975,000
3171	10.0514.0454	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	Lần	5,193,000
3172	16.0216.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	500,000
3173	03.2044.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	Lần	3,227,000
3174	03.1815.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	500,000
3175	12.0161.0875	Cắt polyp ống tai [gây tê]	Lần	696,000
3176	10.0306.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lần	4,765,000
3177	10.0683.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Lần	4,000,000
3178	10.0684.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Lần	4,000,000

3179	15.0154.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Lần	915,000
3180	15.0331.1049	Phẫu thuật cắt u da vùng mắt	Lần	3,054,000
3181	01.0073.0120	Mở khí quản thường quy	Lần	832,000
3182	16.0323.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	Lần	3,227,000
3183	10.0481.0455	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Lần	2,897,000
3184	14.0106.0769	Đóng lỗ rò đường lệ [gây tê]	Lần	940,000
3185	28.0168.1076	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt	Lần	3,501,000
3186	10.0499.0465	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	Lần	4,162,000
3187	10.0500.0465	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	Lần	4,162,000
3188	27.0191.0451	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Lần	3,358,000
3189	27.0385.0426	Nội soi bàng quang cắt u	Lần	5,302,000
3190		Dịch vụ kỹ thuật khác	Lần	20,000,000
3191		Phẫu thuật tán sỏi qua da đường hầm nhỏ	Lần	5,000,000
3192	10.0832.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Lần	2,707,000
3193	27.0214.0457	Phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	Lần	4,924,000
3194	14.0165.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Lần	1,010,000
3195	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	Lần	832,000
3196	03.1664.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	900,000
3197	03.1665.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,077,000
3198	03.1800.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	391,000
3199	03.1809.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Lần	622,000
3200	14.0172.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	900,000
3201	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,077,000
3202	16.0291.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Lần	4,825,000
3203	07.0037.0363	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên	Lần	6,369,000
3204	07.0029.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	Lần	6,369,000
3205	07.0022.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	6,369,000
3206	07.0021.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	6,369,000
3207	10.0008.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	Lần	5,908,000
3208	10.0150.0344	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	Lần	2,707,000
3209	10.0001.0577	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Lần	5,373,000

3210	10.0169.0401	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	Lần	14,661,000
3211	10.0170.0401	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	Lần	14,661,000
3212	10.0171.0581	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	Lần	5,900,000
3213	10.0168.0393	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	Lần	17,011,000
3214	10.0155.0404	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Lần	16,023,000
3215	10.0157.0580	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ	Lần	14,054,000
3216	10.0165.0393	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ	Lần	17,011,000
3217	10.0173.0581	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Lần	5,900,000
3218	10.0309.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lần	4,765,000
3219	10.0302.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,919,000
3220	10.0296.0415	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận	Lần	7,593,000
3221	10.0297.0581	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/có C.Arm	Lần	5,900,000
3222	10.0298.0581	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/laser	Lần	5,900,000
3223	10.0316.0581	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	Lần	5,900,000
3224	10.0322.0416	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	Lần	4,919,000
3225	10.0332.0422	Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột	Lần	6,500,000
3226	10.0345.0424	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	Lần	6,166,000
3227	10.0337.0424	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	Lần	6,166,000
3228	10.0366.0581	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt	Lần	5,900,000
3229	10.0365.0423	Phẫu thuật cắt dị tật hậu môn - trực tràng, làm lại niệu đạo	Lần	3,527,000
3230	10.0373.0434	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thi	Lần	4,825,000
3231	10.0387.0581	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	Lần	5,900,000
3232	10.0384.0437	Tạo hình dương vật do lệch lạc phái tính do gien	Lần	4,922,000
3233	10.0429.0442	Cắt đoạn thực quản, dẫn lưu hai đầu ra ngoài	Lần	8,479,000
3234	10.0430.0442	Cắt nối thực quản	Lần	8,479,000
3235	10.0431.0442	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực	Lần	8,479,000

3236	10.0432.0442	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ	Lần	8,479,000
3237	10.0423.0465	Đóng rò thực quản	Lần	4,162,000
3238	10.0424.0465	Đóng lỗ rò thực quản - khí quản	Lần	4,162,000
3239	10.0458.0449	Cắt lại dạ dày	Lần	8,459,000
3240	10.0461.0488	Nạo vét hạch D3	Lần	4,441,000
3241	10.0462.0488	Nạo vét hạch D4	Lần	4,441,000
3242	10.0477.0482	Cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	Lần	12,552,000
3243	10.0474.0458	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	Lần	5,376,000
3244	10.0490.0458	Cắt nhiều đoạn ruột non	Lần	5,376,000
3245	10.0521.0454	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng	Lần	5,193,000
3246	10.0522.0454	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	Lần	5,193,000
3247	10.0523.0454	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	Lần	5,193,000
3248	10.0503.0458	Cắt toàn bộ ruột non	Lần	5,376,000
3249	10.0501.0465	Bắc cầu động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn tĩnh mạch hiển hoặc đoạn mạch nhân tạo	Lần	4,162,000
3250	10.0502.0465	Cắt đoạn động mạch mạc treo tràng trên, nối động mạch trực tiếp	Lần	4,162,000
3251	10.0529.0454	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	Lần	5,193,000
3252	10.0530.0454	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn	Lần	5,193,000
3253	10.0531.0454	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tăng sinh môn	Lần	5,193,000
3254	10.0532.0460	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tăng sinh môn	Lần	8,052,000
3255	10.0595.0466	Cắt nhiều hạ phân thùy	Lần	9,457,000
3256	10.0596.0466	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột	Lần	9,457,000
3257	10.0576.0466	Cắt gan phải	Lần	9,457,000
3258	10.0577.0466	Cắt gan trái	Lần	9,457,000
3259	12.0327.0534	Tháo khớp cổ tay do ung thư	Lần	4,332,000
3260	12.0328.0534	Cắt cụt cánh tay do ung thư	Lần	4,332,000
3261	03.3803.0559	Nối gân gấp	Lần	3,445,000
3262	03.3760.0556	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	Lần	4,352,000
3263	03.3744.0556	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	Lần	4,352,000
3264	03.3675.0556	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Lần	4,352,000
3265	03.3665.0556	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	Lần	4,352,000
3266	03.3607.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	2,689,000
3267	03.3593.0603	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	Lần	919,000
3268	03.3587.0435	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Lần	2,689,000

3269	12.0045.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	3,054,000
3270	03.2512.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	3,054,000
3271	03.2177.0965	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Lần	3,490,000
3272	16.0295.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	Lần	3,008,000
3273	16.0336.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,930,000
3274	03.2067.1043	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,171,000
3275	16.0306.1043	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,171,000
3276	07.0035.0363	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên	Lần	6,369,000
3277	10.0336.0423	Phẫu thuật mở rộng bàng quang bằng đoạn hồi tràng	Lần	3,527,000
3278	10.0358.0424	Cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	Lần	6,166,000
3279	03.2055.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,930,000
3280	07.0036.0357	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,835,000
3281	07.0034.0357	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,835,000
3282	07.0033.0357	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	Lần	4,835,000
3283	07.0032.0357	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mạn tính	Lần	4,835,000
3284	07.0031.0357	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	Lần	4,835,000
3285	07.0023.0488	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật	Lần	4,441,000
3286	07.0017.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	4,835,000
3287	07.0012.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,835,000
3288	07.0019.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,835,000
3289	10.0148.0344	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	Lần	2,900,000
3290	10.0149.0344	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	Lần	2,900,000
3291	10.0005.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	Lần	5,908,000
3292	10.0010.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	Lần	5,908,000
3293	10.0151.1044	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính dưới 5 cm]	Lần	818,000
3294	10.0130.0582	Phẫu thuật điều trị giảm đau trong ung thư	Lần	3,700,000